

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Vi Văn Chát

*Thẩm phán:* Bà Thái Thị Hồng Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Đình Đường, Ông Nguyễn Hồ Cảnh,  
Ông Phan Hòa

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà:** Ông  
Trần Thanh B - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2018/TLST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Bùi Thị Hương G; tên gọi khác: Không; sinh ngày 02/6/1977; nơi cư trú và chỗ ở: Khối 2, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Bùi Đức T và bà Nguyễn Thị M; anh chị em ruột có 5 người, bị cáo là con thứ 4; chồng Phạm Mạnh C; có 2 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An từ ngày 18/9/2017 đến nay; có mặt.

**- Người bào chữa cho bị cáo Bùi Thị Hương G:** Luật sư Nguyễn V - Văn phòng Luật sư H - Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An; có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Lê Văn C, sinh năm 1983; nơi cư trú: xóm 4, xã N, Tp. V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.
2. Anh Đào Ngọc T, sinh năm 1982; nơi ĐKKHKT: Thôn K, xã C, huyện T, Hà Nội. Có mặt.
3. Ông Nguyễn Đức K, sinh năm 1957; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.
4. Ông Phan Đức T, sinh năm 1976; Giám đốc Công Ty luật TNHH một thành viên Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.
5. Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn P xã H, huyện H, thành phố N. Vắng mặt.
6. Chị Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1978; nơi cư trú: số 155, đường P, Tp. N. Vắng mặt.
7. Chị Lê Thị A, sinh năm 1984; nơi cư trú: Khối 10, phường T, Tp. V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.
8. Anh Nguyễn Đức B, sinh năm 1993; nơi cư trú: Khối 3, thị trấn K, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bùi Thị Hương G là người lao động tự do, không có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn để tuyển dụng lao động nhưng đã nói dối nhiều người mình là: "Cán bộ của Bộ Xây Dựng; Kế toán trưởng; Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH một thành viên Vật liệu xây dựng và Xây lắp thương mại BMC - thuộc Bộ Công Thương (viết tắt là: Công ty BMC) được ủy quyền làm dự án Khách sạn và Chung cư cao cấp ở TP Đà Nẵng, Nha Trang". Để làm cho người khác tin là thật Bùi Thị Hương G tự nhận là Phó Tổng giám đốc Công ty BMC, G đã thuê anh Nguyễn Như C, sinh năm 1978, thường trú tại: Số 12, đường Nguyễn Phong S, TP V, Nghệ An làm lái xe riêng cho mình, đồng thời thuê xe ô tô cho anh C lái. Ký kết Hợp đồng dịch vụ pháp lý với anh Phan Đức T - Giám đốc công ty luật Đ, trụ sở tại số 50, đường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An làm tư vấn pháp luật. Ngoài ra G còn lập hợp đồng môi giới làm dự án để chị Nguyễn Thị Thu T tin mà cho vay tiền hoặc thủ đoạn mua chịu hàng hóa đắt tiền có nguồn gốc nhập từ nước ngoài về của

anh Đào Ngọc T và của chị Nguyễn Thị Kim T như: Sâm, nấm Linh Chi nhằm lừa đảo chiếm đoạt tiền, tài sản của nhiều người. Cụ thể như sau:

**- Vụ thứ nhất:**

Vào đầu năm 2015, Bùi Thị Hương G gặp ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1966, trú tại xóm 4, xã N, TP V. Bùi Thị Hương G nói dối ông Diệu mình là Kế toán trưởng của chi nhánh Công ty BMC, trụ sở tại số: 92 đường Nguyễn Thị Minh K, TP. V, Nghệ An, có quen biết nhiều cán bộ “lãnh đạo” rồi hứa hẹn xin cho con gái ông D là chị Phạm Thị T, sinh năm 1989, trú tại: Xóm 4 - xã N - TP V vào làm kế toán của công ty BMC với chi phí: 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng), nhưng phải chuyển tiền trước để G “chạy việc”. Ông D tin là thật nên nhất trí, bàn bạc thống nhất với gia đình để xin cho chị T vào công tác tại công ty BMC. Đến ngày 17/02/2015 ông D nhận số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu) từ anh Lê Văn C, sinh năm 1983, thường trú: Xóm 3, xã Thanh Đ, huyện T, Nghệ An (là con rể của ông D và là chồng của chị T) cùng hồ sơ xin việc của chị T để nộp cho G. Ngày 26/3/2015 anh C tiếp tục nộp cho Bùi Thị Hương G: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu). Tổng cả 02 lần Bùi Thị Hương G đã nhận số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu) và G viết “Biên nhận”; “Phiếu thu” với tư cách là cán bộ của công ty BMC và hứa hẹn với anh C: “Sau 02 tuần sẽ có quyết định đi làm cho chị T”. Sau khi nhận tiền G không nộp hồ sơ xin việc của chị T cho cơ quan nào, mà dùng số tiền đó để ăn chơi tiêu xài cá nhân. Sau một thời gian, anh C biết là mình bị G lừa nên đã ráo riết đòi lại tiền, thì được G trả lại 100.000.000 đồng (Một trăm triệu), số tiền còn lại là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu) G chiếm đoạt tiêu xài hết, không có khả năng trả lại.

**- Vụ thứ hai:**

Vào khoảng giữa năm 2016, Bùi Thị Hương G quen biết anh Đào Ngọc T, sinh năm 1982; thường trú tại: Thôn K, xã C, huyện T, TP H. G nói dối với anh T mình là cán bộ của Bộ Xây dựng đang đi “làm dự án”. Để anh T tin tưởng, G đã nhiều lần mua mỹ phẩm, hàng hóa cao cấp đắt tiền như: Sâm, nấm Linh Chi, thực phẩm chức năng có nguồn gốc nhập từ Hàn Quốc, do anh T bán và nói dối với anh T là để làm quà biếu cho lãnh đạo phê duyệt dự án. Khi biết anh T đã tin tưởng mình, G đặt mua hàng của anh T gồm: Sâm, nấm Linh Chi, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng có tổng trị giá: 78.250.000 đồng (Bảy mươi tám triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng) nhằm chiếm đoạt.

**- Vụ thứ ba:**

Vào tháng 7/2015, thông qua anh Nguyễn Như C, sinh năm 1978, thường trú tại: phường H, TP V, anh Nguyễn Đức K, sinh năm 1957; thường trú tại: Thôn H, xã T, huyện T, Nghệ quen biết với Bùi Thị Hương G. Mặc dù không có khả năng “xin việc”, nhưng G nói dối với anh K mình là Phó Tổng giám đốc Công ty BMC, đang được ủy quyền đi làm dự án “Khách sạn và Chung cư cao cấp” tại thành phố Đà Nẵng, có quan hệ quen biết “lãnh đạo” và hứa hẹn xin cho con gái anh K là chị Nguyễn Cẩm T, sinh năm 1994, trú tại: Thôn H, xã T, huyện T, Nghệ An vào công tác tại Bệnh viện Đa khoa TP V với chi phí: 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu). Anh K tin là thật về làm hồ sơ xong khoảng đầu tháng 8/2015, mang hồ sơ cùng số tiền: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) nộp cho Bùi Thị Hương G. Sau đó G rút hồ sơ xin việc của chị T mà không nộp cho cơ quan nào, còn tiền thì G sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Nhằm củng cố thêm lòng tin cho anh K là mình đang “chạy dự án” thật. Ôئن gần cuối năm 2015, G rủ anh K cùng đi “làm dự án” với mình ở Đà Nẵng, Hà Nội. Khi biết anh K quá tin tưởng ở mình, G nói dối với anh K: “Tiền tạm ứng làm dự án sắp về rồi, anh cho em mượn tạm 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu) để chạy cho xong dự án, có tiền về em trả cho anh ngay”. Tin tưởng G đang làm “Dự án” thật, nên anh K đưa 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu) cho Bùi Thị Hương G vay mà không có giấy tờ biên nhận hay chứng từ giao nhận tiền.

Cũng với thủ đoạn “chạy dự án”, Bùi Thị Hương G đặt vấn đề vay thêm tiền của anh K. Tin tưởng, chiều ngày 30/03/2016 anh K bảo vợ là chị Trương Thị T rút tiền từ Ngân hàng ra 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu), giao cho G trên đường Lê Hồng Ph, TP V, Nghệ An, nhưng cũng không có giấy tờ hay biên bản giao nhận tiền.

Quá trình điều tra ban đầu Bùi Thị Hương G thừa nhận lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh K, nhưng sau đó không thừa nhận, khi cơ quan điều tra tổ chức đối chất với anh K thì Bùi Thị Hương G mới thừa nhận đã lừa đảo chiếm đoạt của anh K: 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu) như đã nêu ở trên và đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết, không có khả năng trả lại.

**- Vụ thứ tư:**

Ngày 15/08/2015, Bùi Thị Hương G đến gặp anh Phan Đức T, sinh năm 1976 - Giám đốc Công ty luật TNHH một thành viên A, có trụ sở tại số: 50 - đường

T, TP V, Nghệ An, để ký kết “Hợp đồng dịch vụ pháp lý”. G nói dối anh T mình là Phó Tổng giám đốc Công ty BMC đang được ủy quyền đi làm dự án “Khách sạn và Chung cư cao cấp tại TP Đà Nẵng”, nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh T và để anh T tin là mình đang đi làm dự án thật. Trong “Hợp đồng dịch vụ pháp lý” với tư cách là: Phó Tổng giám đốc - đại diện cho Công ty BMC, G yêu cầu Công ty luật của anh T sẽ tư vấn về mặt pháp lý trong quá trình G đi “làm dự án”, kinh phí thỏa thuận bằng 0,05% giá trị dự án (Tạm tính là: 600.000.000 đồng). Ngoài ra, G còn nhiều lần đưa anh T đi làm dự án với mình, toàn bộ những hành vi trên của G, chỉ nhằm củng cố cho cá nhân anh T và những người khác tin là G đang làm dự án thật. Khi biết anh T rất tin tưởng mình rồi, G đã nhiều lần vay mượn tiền của anh T và nói với anh T là để làm dự án, nhưng thực tế G đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Anh Phan Đức T trình bày đã đưa cho Bùi Thị Hương G cho vay số tiền 960.000.000 đồng (Chín trăm sáu mươi triệu). Trong đó 414.000.000 đồng chuyển vào tài khoản cho Bùi Thị Hương G (Có hóa đơn, chứng từ), ngoài ra có 04 lần anh T đưa tiền mặt trực tiếp cho G là: 546.000.000 đồng (Năm trăm bốn mươi sáu triệu) nhưng không có giấy biên nhận hay tài liệu chứng cứ gì phản A việc đã giao tiền cho Bùi Thị Hương G. Sau khi biết bị G lừa, anh T ráo riết đòi lại tiền thì được G trả lại: 110.000.000 đồng (Một trăm, mười triệu). Anh T đề nghị được đền bù số tiền G đang chiếm đoạt là 850.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi triệu).

Quá trình điều tra ban đầu, Bùi Thị Hương G thừa nhận đã lừa đảo anh T số tiền 770.000.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu). Nhưng sau đó không thừa nhận, đồng thời nại rằng do bị bức ép và tinh thần bị hoảng loạn khi mới bị bắt vào nên đã khai sai sự thật. Cơ quan điều tra tổ chức đối chất và đấu tranh làm rõ thì Bùi Thị Hương G thừa nhận đã lừa đảo chiếm đoạt của anh T số tiền: 414.000.000 đồng (Bốn trăm mười bốn triệu). Khi anh T đòi lại tiền, G đã trả lại được số tiền 110.000.000 đồng, số tiền còn lại 304.000.000 đồng (Ba trăm linh tư triệu), G chiếm đoạt tiêu xài hết không có khả năng trả lại.

#### **- Vụ thứ năm:**

Vào tháng 7/2016, Bùi Thị Hương G vào TP Đ và gặp gỡ, quen biết với chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1985, thường trú tại: Thôn P, xã H, huyện V, TP Đ. G nói dối với chị T mình là: Phó Tổng giám đốc Công ty BMC đang được ủy quyền tìm mua đất làm dự án “Khách sạn và Chung cư cao cấp” tại TP Đà Nẵng, chị T tin tưởng là G làm dự án thật, nên khi G lừa mua nhiều loại hàng hóa nhập

khẩu từ Mỹ về do chị T bán như: Thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và 02 điện thoại IPHONE 7 Plus và lừa vay mượn tiền “chạy dự án” thì chị Trang đã đồng ý.

Tại cơ quan điều tra chị Trang trình bày số tiền cho Bùi Thị Hương G vay, hàng hóa G mua chưa trả tiền gồm:

+ 324.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi tư triệu) được chị Trang chuyển qua tài khoản của G.

+ Tiền lừa mua điện thoại, hàng hóa để chiếm đoạt có trị giá là: 91.050.000 đồng (Chín mươi một triệu không trăm năm mươi ngàn).

+ 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu) được chị T giao tại số 37 – Đường Lê Đại Hành - TP Hà Nội.

+ 166.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu) chị T giao tiền trực tiếp cho G, nhưng không có giấy tờ, chứng từ giao nhận.

Tổng cộng tiền hàng, tiền vay phải đền bù là 671.050.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi một triệu, không trăm năm mươi ngàn).

Quá trình điều tra ban đầu Bùi Thị Hương G thừa nhận đã lừa đảo chị T số tiền khoảng: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu), nhưng sau đó không thừa nhận. Sau khi được cơ quan điều tra tổ chức đối chất với chị T, thì G thừa nhận lừa đảo chiếm đoạt của chị T số tiền: 414.000.000 đồng (Bốn trăm mười bốn triệu) và nhiều loại hàng hóa như mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, 02 điện thoại Iphone 7 Plus có trị giá là: 91.050.000 đồng. Tổng cộng 505.050.000 đồng (Năm trăm linh năm triệu, không trăm năm mươi ngàn) và G đã trả lại được số tiền: 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu), hàng hóa thì G đã sử dụng hết, 01 điện thoại Iphone 7 Plus bị mất trộm, số tiền lừa đảo chiếm đoạt được của chị T và 01 điện thoại Iphone 7 Plus thì G bán cho người không quen biết được 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu) lấy tiền tiêu xài hết không có khả năng trả lại.

#### **- Vụ thứ sáu:**

Vào tháng 02/2016, Bùi Thị Hương G vào TP Đ gặp và làm quen với chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1978, thường trú tại: Số 155, đường P, TP Đ. G nói dối với chị T mình là Phó Tổng giám đốc Công ty BMC, đang được ủy quyền đi tìm mua đất làm dự án “Khách sạn và Chung cư cao cấp” tại TP Đà Nẵng. Ôê chị T tin tưởng mình đang làm dự án thật, ngày 05/02/2016, G đã ký kết “Hợp đồng môi giới” với chị T, đồng thời đề nghị chị T tìm mua đất làm dự án, khi biết chị T tin

tưởng mình đang đi làm dự án thật G xin vay chị T tiền để “chạy dự án”. Chị T tin tưởng đã cho G “vay” 02 lần với tổng số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu), toàn bộ số tiền trên G chiếm đoạt tiêu xài sử dụng hết không có khả năng trả lại.

**- Vụ thứ bảy:**

Do có mối quan hệ quen biết từ trước với chị Lê Thị A Sinh năm: 1984, thường trú tại: Khối 10, phường B, TP V, Nghệ An. Vào khoảng tháng 06/2017, Bùi Thị Hương G nói với chị A có quan hệ quen biết “lãnh đạo” sẽ chạy cho chị A vào làm việc tại công ty cấp nước Nghệ An, nhưng phải mất một khoản kinh phí và tiền cảm ơn sau khi có quyết định đi làm. Chị A tin tưởng và đồng ý. G dùng thủ đoạn xin “vay tiền” để đầu tư làm ăn, chị A hoàn toàn không biết là G đang lừa đảo mình, nên nhiều lần cho G vay mượn tiền, vàng với ý thức sẽ trừ vào tiền “chạy việc” khi có kết quả.

Tại cơ quan điều tra chị A trình bày: Trong tháng 7 và tháng 8/2017, có 11 lần chị A trực tiếp chuyển tiền vào tài khoản của G với tổng số tiền là: 143.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu). Ngày 21/7/2017 chị A nhờ chị Nguyễn Thị Hương T chuyển vào tài khoản của G 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu) và ngày 20/7/2017 chị A nhờ chị Nguyễn Quỳnh G chuyển vào tài khoản của G 5.000.000 đồng (Năm triệu). Tổng toàn bộ tiền chuyển khoản cho G là 168.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu). Ngoài ra chị A khai nhiều lần giao nhận vàng, tiền mặt cho G với tổng số tiền là 73.000.000đ và 7,5 chỉ vàng, nhưng không có chứng từ, sổ sách ký nhận. Đồng thời đề nghị thu hồi số tài sản trên.

Quá trình điều tra Bùi Thị Hương G thừa nhận lừa đảo chiếm đoạt số tiền chị A chuyển vào tài khoản của mình là: 168.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu) và đã tiêu xài hết không có khả năng trả lại. Còn số tiền 73.000.000đ và 7,5 chỉ vàng chị A khai đưa trực tiếp cho Bùi Thị Hương G thì G không thừa nhận. Do không có tài liệu, chứng cứ để xác định Bùi Thị Hương G đã nhận: 73.000.000 đồng và 7,5 chỉ vàng do chị A đưa cho G, nên không đủ cơ sở kết luận.

**- Vụ thứ tám:**

Khoảng tháng 7/2017, Bùi Thị Hương G gặp và quen biết anh Nguyễn Đức B - Sinh năm 1977 - thường trú tại khối 3, thị trấn Q, huyện Q, Nghệ An. G giới thiệu với anh B mình là cán bộ Sở xây dựng và hứa hẹn sẽ xin cho B làm lái xe riêng cho mình, nhưng phải chi phí hết 30.000.000,đ (Ba mươi triệu đồng). Theo lời hẹn của G ngày 18/08/2017 anh B đi ô tô khách vào TP Đà Nẵng tìm gặp G để

nộp tiền và hồ sơ xin việc. Tại khách sạn Solas - Số 28, đường Trương Chí Cương, TP Đà Nẵng, anh B đã tìm gặp G và giao hồ sơ xin việc cùng số tiền: 10.000.000 đồng (Mười triệu), việc giao nhận tiền G không ký nhận mà lừa anh B ở lại Đà Nẵng chờ để “nhận xe”. Anh B chờ ở Đà Nẵng mấy ngày không có kết quả và cũng không gặp lại G, gọi điện và nhắn tin G không trả lời, nên **anh B** phải về quê. Bùi Thị Hương G không thực hiện cam kết xin việc, không nộp hồ sơ xin việc cho anh B vào bất kỳ cơ quan nào, tiền G tiêu xài sử dụng cá nhân hết.

Tổng số tiền Bùi Thị Hương G đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của 08 bị hại trong vụ án này là: 2.275.000.000VND (Hai tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng), số tiền G đã trả lại cho 03 bị hại là: 280.000.000VND (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

- Số tiền chênh lệch giữa lời khai của các bị hại với lời khai nhận tội của bị cáo Bùi Thị Hương G là: 815.000.000 đồng và 7,5 chỉ vàng, quá trình điều tra không đủ căn cứ kết luận.

Với nội dung trên tại Bản cáo trạng số: 74/CT-VKS-P2 ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định truy tố bị cáo Bùi Thị Hương G về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên nội dung Bản cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Xử phạt bị cáo Bùi Thị Hương G từ 15 đến 16 năm tù; buộc bồi thường cho các bị hại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo không tranh luận về tội danh đối với bị cáo, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hơn mức đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đề nghị vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, khắc phục một phần hậu quả. Ngoài ra còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi Cáo trạng truy tố chiếm đoạt của anh Đào Ngọc T không thỏa mãn dấu hiệu Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, vì bị cáo không gian dối.

Viện kiểm sát tranh luận với quan điểm của luật sư: về hành vi của bị cáo G đối với anh Đào Ngọc T, bị cáo có ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản từ ban đầu nên luôn nói dối và đưa ra thông tin mình làm ở bộ xây dựng nhằm tạo lòng tin đối với anh T.

Bị cáo đồng ý với lời bào chữa của luật sư, không có ý kiến tranh luận.

Các bị hại có mặt không có ý kiến gì về hình phạt, chỉ đề nghị bị cáo phải bồi thường số tiền bị chiếm đoạt. Cụ thể:

- Anh Lê Văn C yêu cầu bồi thường 100.000.000 đồng.
- Anh Đào Ngọc T yêu cầu 78.250.000 đồng.
- Anh Nguyễn Đức B 10.000.000 đồng.

Những người vắng mặt nhưng đã có yêu cầu trong quá trình điều tra gồm:

- Ông Nguyễn Đức K yêu cầu 600.000.000 đồng.
- Ông Phan Đức T 850.000.000 đồng.
- Chị Nguyễn Thị Kim T 671.050.000 đồng.
- Chị Nguyễn Thị Thu T 300.000.000 đồng.
- Chị Lê Thị A 241.000.000 đồng và 7,5 chỉ vàng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Bị cáo, Luật sư, Bị hại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Thị Hương G thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của các bị hại. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Bùi Thị Hương G đã lợi dụng mối quan hệ quen biết, G nói dối nhiều người mình là “Cán bộ của Bộ Xây Dựng; Kế toán trưởng; Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH một thành viên Vật liệu xây dựng và Xây lắp thương mại BMC - Thuộc Bộ Công Thương được ủy quyền làm dự án Khách sạn và Chung cư cao cấp ở TP Đà Nẵng, Nha Trang”. Ngoài ra G còn có các thủ đoạn vay tiền chạy dự án, mua quà tặng lãnh đạo, nhận xin việc làm cho người khác tin là thật mà giao tiền, tài sản để chiếm đoạt.

Đối với quan điểm của Luật sư cho rằng bị cáo G không gian dối để chiếm đoạt tài sản của anh Đào Hồng T nhưng xét tổng thể hành vi của bị cáo G thì thấy bị cáo bắt đầu thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vào ngày 15/02/2015 chiếm đoạt của anh C 200 triệu đồng, các hành vi sau cùng diễn ra vào tháng 7, tháng 8 năm 2017 trong đó lừa đảo chiếm đoạt của chị A 168 triệu đồng, anh B 10

triệu đồng. Bị cáo G quen biết anh T thông qua em gái của anh T, kể từ đó trở đi bị cáo luôn nói với anh T là làm tại Bộ xây dựng chuyên làm dự án, vì tin tưởng nên anh T đưa hàng cho bị cáo gồm năm Linh chi, Sâm, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm. Thời gian diễn ra vào giữa năm 2016, khi anh T tin tưởng thì bị cáo không trả tiền cho anh T trong khi vẫn thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác như chị Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thị Thu T là bị hại trong vụ án này. Do đó không có căn cứ chấp nhận ý kiến của Luật sư tranh luận với quan điểm của Viện kiểm sát về hành vi này.

Như vậy, từ tháng 02 năm 2015 đến tháng 8 năm 2017 Bùi Thị Hương G đã chiếm đoạt của 08 người với tổng số tiền là 2.275.300.000 đồng. Trong đó của anh Lê Văn C 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), Đào Ngọc T 78.250.000 đồng (Bảy tám triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng), Nguyễn Đức K 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng chẵn), Phan Đức T 414.000.000 đồng (Bốn trăm mười bốn triệu đồng chẵn), Nguyễn Thị Kim T 505.050.000 đồng (Năm trăm linh năm triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng), Nguyễn Thị Thu T 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng chẵn), Lê Thị A 168.000.000 đồng (Một trăm sáu tám triệu đồng), Nguyễn Đức B 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Bùi Thị Hương G phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, vi phạm điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự, với tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu trở lên” là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về các quyết định và hành vi tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, Luật sư, Bị cáo, Bị hại không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thấy rằng: Bị cáo G lợi dụng mối quan hệ quen biết với các bị hại, gian dối tạo lòng tin nhằm chiếm đoạt tài sản của nhiều người với số tiền lớn. Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm quyền sở hữu tài sản của nhiều người mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn thực hiện tội phạm nhiều lần chiếm đoạt tài sản tiêu dùng cá nhân. Hành vi phạm tội liều lĩnh, coi thường kỷ cương

pháp luật Nhà nước. Do đó, phải áp dụng hình phạt nghiêm minh phù hợp tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian dài để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích. Tuy nhiên cũng cần xem xét cho bị cáo trong giai đoạn điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục được 280.000.000 đồng, gia đình có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại yêu cầu bị cáo Bùi Thị Hương G phải bồi thường như sau:

- Anh Lê Văn C yêu cầu bồi thường 100.000.000 đồng.
- Anh Đào Ngọc T yêu cầu 78.250.000 đồng.
- Anh Nguyễn Đức B 10.000.000 đồng.

Những người vắng mặt nhưng đã có yêu cầu trong quá trình điều tra gồm:

- Ông Nguyễn Đức K yêu cầu 600.000.000 đồng.
- Ông Phan Đức T 850.000.000 đồng.
- Chị Nguyễn Thị Kim T 671.050.000 đồng.
- Chị Nguyễn Thị Thu T 300.000.000 đồng.
- Chị Lê Thị A 141.000.000 đồng và 7,5 chỉ vàng.

Xét yêu cầu của các bị hại thấy có căn cứ chấp nhận buộc bị cáo Bùi Thị Hương G bồi thường số tiền đang chiếm đoạt 100.000.000 đồng cho anh Lê Văn C; 78.250.000 đồng cho anh Đào Ngọc T; 10.000.000 đồng cho anh Nguyễn Đức B; 600.000.000 đồng cho ông Nguyễn Đức K; 300.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Thu T;

Đối với yêu cầu bồi thường của ông Phan Đức T 850.000.000 đồng chỉ có căn cứ chấp nhận buộc bị cáo bồi thường 414.000.000 đồng do bị cáo không thừa nhận, ông Thắng cũng không có căn cứ chứng minh. Trong số này bị cáo đã khắc phục 110.000.000 đồng, số tiền còn lại phải bồi thường cho ông Thắng là 304.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Kim T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 671.050.000 đồng bao gồm tiền mặt và trị giá hàng hóa tuy nhiên bị cáo chỉ thừa nhận chiếm đoạt 505.050.000 đồng, số còn lại không có căn cứ, chị T cũng không có căn cứ chứng minh do đó chỉ chấp nhận số tiền bị cáo thừa nhận, trong số tiền

này bị cáo đã khắc phục 70.000.000, số tiền còn phải bồi thường cho chị T là 435.050.000 đồng; chị Lê Thị A yêu cầu bị cáo bồi thường 168.000.000 đồng tiền mặt và 73.000.000 đồng tiền trị giá hàng hóa, 7,5 chỉ vàng tuy nhiên bị cáo chỉ thừa nhận 168.000.000 đồng còn lại không chứng minh được bị cáo chiếm đoạt, chị A cũng không có tài liệu gì để chứng minh bị chiếm đoạt, vì vậy chỉ chấp nhận số tiền bị cáo thừa nhận.

Tổng cộng buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại số tiền: 1.995.300.000 đồng.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo hiện không có tài sản gì có giá trị, toàn bộ tài sản sau khi chiếm đoạt đã tiêu xài cá nhân, nếu áp dụng hình phạt bổ sung sẽ gây khó khăn cho công tác thi hành án do vậy miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị Hương G phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; Điểm b,p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Thị Hương G 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 18 tháng 9 năm 2017.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự; buộc bị cáo Bùi Thị Hương G phải bồi thường cho các bị hại, cụ thể:

- + Anh Lê Văn C 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng chẵn).
- + Anh Đào Ngọc T 78.250.000 đồng (Bảy mươi tám triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng)
- + Anh Nguyễn Đức K 600.000.000đồng (Sáu trăm triệu đồng chẵn)
- + Anh Phan Đức T số tiền 304.000.000đ (Ba trăm linh tư triệu đồng chẵn)
- + Chị Nguyễn Thị Kim T 435.050.000 đồng (Bốn trăm ba lăm triệu, không trăm linh năm ngàn đồng)
- + Chị Nguyễn Thị Thu T 300.00.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng chẵn).
- + Chị Lê Thị A 168.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu đồng chẵn).

+ Anh Nguyễn Đức B 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng chẵn).

Tổng cộng: 1.995.300.000 đồng (Một tỷ chín trăm chín lăm triệu ba trăm nghìn đồng chẵn).

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Bùi Thị Hương G phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 71.859.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đối với bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết Bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp Cao;
- VKSND Cấp Cao;
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Công an tỉnh Nghệ An;
- Cục THA tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Vi Văn Chất**

